



**Công ty Cổ phần VTC**  
**Truyền thông Trực tuyến**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016



**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Kinh doanh số**

2900886641

ngày 9 tháng 5 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty được cấp lần đầu số 2703001859 ngày 9 tháng 4 năm 2008. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2900886641 ngày 9 tháng 5 năm 2013.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phan Sào Nam	Chủ tịch
Ông Trần Phương Huy	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Bảo	Thành viên
Ông Đỗ Anh Tú	Thành viên
Ông Kwan Yew Chong	Thành viên

**Ban Giám đốc**

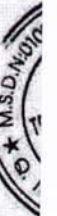
Ông Phan Sào Nam	Giám đốc
Ông Trần Phương Huy	Giám đốc thường trực
Ông Phan Anh Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Đào Trường Giang	Phó Giám đốc
Ông Lee Yong Deuk	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hùng	Phó Giám đốc (đến ngày 31/12/2016)

**Trụ sở đăng ký**

Công viên VTC Park, Đại lộ V.I Lê Nin  
Phường Hà Huy Tập, Thành phố Vinh  
Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Báo cáo tài chính hợp nhất đã thuyết minh đầy đủ các vấn đề liên quan đến đánh giá của Ban Giám đốc về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Trần Phương Huy  
Giám đốc thường trực  
(Ủy quyền từ Giám đốc)

Hà Nội, 10-07-2017

1204  
CÔNG  
TCH NH  
KF  
M TỬ



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các **Cổ đông**  
**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10-07-2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 42.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

LY  
HUU  
MG  
IEM



## **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

### **Thông tin tài chính của các công ty con**

Như được trình bày tại Thuyết minh 13 trong báo cáo tài chính hợp nhất, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, thông tin tài chính của ba công ty con của Công ty là Công ty VTC Online JSC Laos, Công ty VTC Online Russia Co., Ltd. và Công ty VTC Online America Inc đã không được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty do Công ty đã không thể thu thập thông tin tài chính của các công ty con này. Thay vào đó, các khoản đầu tư vào các công ty con này được ghi nhận theo giá gốc.

Do hạn chế về thông tin, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho vấn đề này.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại phần Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Mặc dù không đưa thêm ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo đến các vấn đề sau:

- Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, như trình bày trong Thuyết minh 2(c) mặc dù tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 40.297 triệu VND (1/1/2016: 81.812 triệu VND). Công ty cũng có các khoản vay lớn cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp trị giá 55.173 triệu VND (1/1/2016: 97.044 triệu VND) (Thuyết minh 21). Ngoài ra, như trình bày trong Thuyết minh 3(m)(i) và Thuyết minh 25(d) của báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các cổ phiếu mà các cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại một phần hoặc toàn bộ tại một thời điểm bất kỳ trong tương lai. Giá mua tùy thuộc vào số lượng cổ phiếu được yêu cầu mua lại và thời điểm mà các cổ đông này yêu cầu Công ty mua lại cổ phiếu. Công ty trình bày các cổ phiếu này là vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần thuộc vốn chủ sở hữu với giá trị lần lượt là 6.905 triệu VND và 238.985 triệu VND (1/1/2016: 6.905 triệu VND và 238.985 triệu VND). Việc các cổ đông yêu cầu Công ty mua lại số cổ phiếu này sẽ có ảnh hưởng trọng yếu đối với tình hình tài chính và thanh khoản của Công ty. Điều này cho thấy những yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.





- Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh 3(m)(i) và Thuyết minh 25(d) của báo cáo tài chính hợp nhất về việc Công ty trình bày các khoản tiền đã nhận từ việc phát hành cổ phiếu cho Công ty IDG Ventures Vietnam và Công ty Prime Limited trong các năm 2010 và 2012 theo các hợp đồng/thỏa thuận được ký giữa Công ty và các nhà đầu tư này trong khoản mục vốn chủ sở hữu của Công ty. Các hợp đồng/thỏa thuận này cho phép các nhà đầu tư này được quyền bán lại số cổ phiếu đã mua theo mức giá thỏa thuận trong hợp đồng sau một thời hạn đã được quy định hoặc nếu Công ty không đạt được một số điều kiện nhất định. Do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn về việc trình bày cổ phiếu phổ thông phát hành kèm theo quyền chọn bán cổ phiếu tại một thời điểm chưa xác định trong tương lai, Công ty đã trình bày các cổ phiếu này như các cổ phiếu thông thường trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-516-2



Đặng Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 10-07-

Lại Thủy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 2040-2013-007-1



PHÓ CHỦ TỊCH

Vương Quốc Tiến

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>94.452.294.855</b>	<b>240.458.610.094</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>11.721.734.816</b>	<b>8.784.526.127</b>
Tiền	111		11.721.734.816	8.784.526.127
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>250.000.000</b>	<b>-</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		250.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>62.643.977.563</b>	<b>202.551.934.904</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	38.867.261.406	157.247.627.748
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		14.562.252.302	22.827.096.247
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	13.345.529.868	25.681.030.917
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(4.545.829.646)	(3.618.583.641)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		414.763.633	414.763.633
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>18.870.226.591</b>	<b>27.049.261.962</b>
Hàng tồn kho	141		19.427.615.271	27.606.650.642
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(557.388.680)	(557.388.680)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>966.355.885</b>	<b>2.072.887.101</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		80.376.109	306.567.831
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		737.377.247	942.433.104
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		148.602.529	823.886.166

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.*



**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>283.540.781.963</b>	<b>315.760.733.206</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>202.127.174</b>	<b>792.960.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		202.127.174	792.960.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>49.972.295.682</b>	<b>67.557.951.544</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	19.345.437.314	30.256.919.138
Nguyên giá	222		63.227.590.571	95.085.129.963
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.882.153.257)	(64.828.210.825)
Tài sản cố định vô hình	227	10	30.626.858.368	37.301.032.406
Nguyên giá	228		84.035.771.563	80.734.905.908
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.408.913.195)	(43.433.873.502)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>11</b>	<b>189.064.496.928</b>	<b>198.770.792.775</b>
Nguyên giá	231		257.456.185.198	257.456.185.198
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(68.391.688.270)	(58.685.392.423)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>13.168.097.770</b>	<b>15.876.267.570</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	13.168.097.770	15.876.267.570
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13</b>	<b>3.386.787.379</b>	<b>5.436.787.379</b>
Đầu tư vào công ty con	251		6.588.240.000	8.638.240.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.307.220.262	11.307.220.262
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(14.508.672.883)	(14.508.672.883)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>27.746.977.030</b>	<b>27.325.973.938</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	27.746.977.030	27.303.342.084
Tài sản dài hạn khác	268		-	22.631.854
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>377.993.076.818</b>	<b>556.219.343.300</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

1120  
 CÔNG  
 H NHIỆM  
 KPI  
 TỰ LIỆ



**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>148.210.807.861</b>	<b>336.220.984.108</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>134.749.342.258</b>	<b>322.270.505.237</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	35.580.173.002	117.030.174.466
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.842.863.135	3.671.026.202
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.665.159.277	6.898.455.104
Phải trả người lao động	314		1.096.672.052	2.298.477.542
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	3.900.127.377	40.326.700.765
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19(a)	25.921.115.301	47.610.926.603
Phải trả ngắn hạn khác	319	20(a)	5.570.504.114	7.390.580.289
Vay ngắn hạn	320	21	55.172.728.000	97.044.164.266
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.461.465.603</b>	<b>13.950.478.871</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19(b)	1.738.043.589	2.759.933.331
Phải trả dài hạn khác	337	20(b)	11.723.422.014	11.190.545.540
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>229.782.268.957</b>	<b>219.998.359.192</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>229.782.268.957</b>	<b>219.998.359.192</b>
Vốn cổ phần	411	23	24.044.600.000	24.044.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết			24.044.600.000	24.044.600.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		238.984.896.750	238.984.896.750
Cổ phiếu quỹ	415	23	(1.250.000.000)	(1.250.000.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		1.971.906.109	1.995.755.846
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	8.355.410.034	8.355.410.034
Lỗi lũy kế	421		(42.324.543.936)	(52.132.303.438)
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(52.132.303.438)	(59.886.450.286)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		9.807.759.502	7.754.146.848
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>377.993.076.818</b>	<b>556.219.343.300</b>

10-07-2017

Người lập:

*[Signature]*

Đỗ Hương Giang  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

*[Signature]*

Lê Văn Kiên  
 Kế toán trưởng



Phạm Phương Huy  
 Giám đốc thường trực  
 (Ủy quyền từ Giám đốc)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 02 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	1.829.357.108.088	841.725.493.782
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	-	2.544.703.391
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>26</b>	<b>1.829.357.108.088</b>	<b>839.180.790.391</b>
Giá vốn hàng bán	11	27	1.796.705.653.814	798.076.232.482
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>32.651.454.274</b>	<b>41.104.557.909</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21		119.998.263	113.746.424
Chi phí tài chính	22	28	6.519.095.785	8.130.827.516
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.912.730.753	6.765.177.865
Chi phí bán hàng	25		6.559.852.175	3.250.478.955
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	27.027.389.733	23.474.239.989
<b>(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>(7.334.885.156)</b>	<b>6.362.757.873</b>
Thu nhập khác	31	30	18.495.175.450	4.240.889.666
Chi phí khác	32	31	1.352.530.792	2.519.494.594
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>17.142.644.658</b>	<b>1.721.395.072</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>9.807.759.502</b>	<b>8.084.152.945</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	-	330.006.097
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>9.807.759.502</b>	<b>7.754.146.848</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.*

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 02 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		9.807.759.502	7.754.146.848
<b>Phân bổ cho:</b>				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		9.807.759.502	7.754.146.848
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-

1 0 -07- 2017

Người lập:

Đỗ Hương Giang  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Văn Kiên  
Kế toán trưởng



Phương Huy  
Giám đốc thường trực  
(Ủy quyền từ Giám đốc)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>2016 VND</b>	<b>2015 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		9.807.759.502	8.084.152.945
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	28.483.998.113	31.098.714.358
Các khoản dự phòng	03	927.246.005	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.069.828.906)	(148.369.231)
Chi phí lãi vay	06	5.912.730.753	6.765.177.865
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>44.061.905.467</b>	<b>45.799.675.937</b>
Biến động các khoản phải thu	09	140.474.515.510	(84.593.683.087)
Biến động hàng tồn kho	10	8.179.035.371	(25.803.953.340)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(145.977.120.876)	54.381.953.360
Biến động chi phí trả trước	12	(217.443.224)	8.704.873.055
		<b>46.520.892.248</b>	<b>(1.511.134.075)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.074.349.858)	(7.403.542.509)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>40.446.542.390</b>	<b>(8.914.676.584)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(6.523.832.914)	(2.794.291.622)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	9.050.859.000	599.500.014
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(250.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	2.050.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	61.820.040	64.675.850
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>4.388.846.126</b>	<b>(2.130.115.758)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.*

CHỖ  
 TRÁCH  
 K  
 NAM TỬ

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2016 VND	2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(700.000.000)
Tiền thu từ đi vay	33	1.204.138.280.922	481.525.290.102
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.246.009.717.188)	(466.151.639.571)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(41.871.436.266)</b>	<b>14.673.650.531</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>2.963.952.250</b>	<b>3.628.858.189</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>8.784.526.127</b>	<b>4.960.574.381</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(26.743.561)</b>	<b>195.093.557</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)</b>	<b>70</b>	<b>11.721.734.816</b>	<b>8.784.526.127</b>

10-07-2017

Người lập:

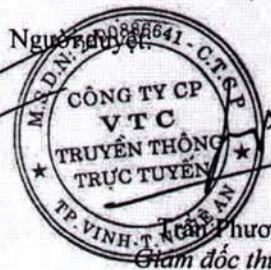


Đỗ Hương Giang  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Văn Kiên  
 Kế toán trưởng



Trần Phương Huy  
 Giám đốc thường trực  
 (Ủy quyền từ Giám đốc)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này.

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Công ty và các công ty con.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thẻ điện thoại, thẻ trò chơi trực tuyến; phân phối trò chơi trực tuyến; cho thuê văn phòng và kinh doanh bất động sản.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày báo cáo, Công ty có 5 công ty con (1/1/2016: 5 công ty con) chi tiết như sau:

Các công ty con	Quốc gia thành lập	% sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty tại ngày	
		31/12/2016	1/1/2016
Công ty VTC Online Indonesia, PT	Indonesia	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục	Việt Nam	99%	99%
Công ty VTC Online JSC Laos	Lào	100%	100%
Công ty VTC Online Russia Co., Ltd.	Nga	100%	100%
Công ty VTC Online America Inc	Mỹ	100%	100%

- Công ty VTC Online Indonesia, PT sản xuất và kinh doanh trò chơi trực tuyến, cung cấp dịch vụ nội dung số, giá trị gia tăng và dịch vụ đa phương tiện tại Indonesia.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục cung cấp dịch vụ đào tạo và các dịch vụ hỗ trợ giáo dục, dịch vụ quảng cáo, quảng bá và giới thiệu kinh doanh.
- Công ty VTC Online JSC Laos đã dừng hoạt động trong năm 2014.
- Công ty VTC Online Russia Ltd. và Công ty VTC Online America Inc chưa chính thức đi vào hoạt động tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty và các công ty con có 110 nhân viên (1/1/2016: 229 nhân viên).

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty và các công ty con là 42.325 triệu VND (1/1/2016: 52.132 triệu VND). Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 40.297 triệu VND (1/1/2016: 81.812 triệu VND). Công ty cũng có các khoản vay lớn cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp trị giá 55.173 triệu VND (1/1/2016: 97.044 triệu VND) (Thuyết minh 21).

Ngoài ra, như trình bày trong Thuyết minh 3(m)(i) và Thuyết minh 25(d) của báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các cổ phiếu mà các cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại một phần hoặc toàn bộ tại một thời điểm bất kỳ trong tương lai. Giá mua tùy thuộc vào số lượng cổ phiếu được yêu cầu mua lại và thời điểm mà các cổ đông này yêu cầu Công ty mua lại cổ phiếu. Công ty trình bày các cổ phiếu này là vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần thuộc vốn chủ sở hữu với giá trị lần lượt là 6.905 triệu VND và 238.985 triệu VND (1/1/2016: 6.905 triệu VND và 238.985 triệu VND). Việc các cổ đông yêu cầu Công ty mua lại số cổ phiếu này sẽ có ảnh hưởng trọng yếu đối với tình hình tài chính và thanh khoản của Công ty.

Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này cơ bản tùy thuộc vào việc các cổ đông tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng các cổ đông sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ. Tuy nhiên các điều kiện này thể hiện sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

**(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(e) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt ngoại trừ báo cáo tài chính của các công ty con mà Công ty đã không thể thu thập thông tin tài chính như trình bày trong Thuyết minh 13.

**(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ Công ty và công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất ngoại trừ báo cáo tài chính của các công ty con mà Công ty đã không thể thu thập thông tin tài chính như trình bày trong Thuyết minh 13. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và công ty con tại đơn vị nhận đầu tư.

**(b) Ngoại tệ**

**(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(ii) Hoạt động ở nước ngoài**

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.





**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Công ty ký kết các hợp đồng hợp tác đầu tư số 1112/HĐ-VTCOL-ITC ngày 11 tháng 12 năm 2008 và hợp đồng hợp tác số 01A/HĐHT-VTCOL-ITC ngày 2 tháng 1 năm 2012 với Công ty VTC Công nghệ và Nội dung số (“Công ty VTC Intecom”) về việc xây dựng, quản lý, khai thác, vận hành và cho thuê Tòa nhà Văn phòng tại số 18 Tam Trinh, Hà Nội (“Tòa nhà 18 Tam Trinh”). Theo các hợp đồng này:

- Công ty được giao là đại diện hợp pháp duy nhất thực hiện việc quản lý, vận hành và kinh doanh Tòa nhà 18 Tam Trinh; và
- Hai bên thực hiện việc phân chia hiệu quả kinh doanh Tòa nhà 18 Tam Trinh dựa trên kết quả kinh doanh thực tế.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

VI.S.2  
CÔNG TY CỔ PHẦN VTC  
HÀ NỘI

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ đồ đạc và trang bị văn phòng	3 năm
▪ tài sản cố định hữu hình khác	3 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Bản quyền trò chơi trực tuyến**

Bản quyền trò chơi trực tuyến được ghi nhận ban đầu theo giá mua đối với trò chơi mua ngoài hoặc theo các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển và đưa trò chơi vào khai thác đối với các trò chơi do Công ty tự phát triển. Bản quyền trò chơi được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(ii) Bản quyền trang mạng Go.vn**

Bản quyền trang mạng Go.vn bao gồm các chi phí phát sinh để sản xuất và phát triển các ứng dụng của trang mạng Go.vn. Các chi phí phát sinh trong giai đoạn hoạch định và triển khai trang mạng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chi phí phát sinh trong giai đoạn phát triển đáp ứng các tiêu chuẩn vốn hóa chi phí phát triển được vốn hóa. Bản quyền trang mạng Go.vn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

**(iii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Bất động sản đầu tư cho thuê**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 40 năm
- các hệ thống tiện ích trong tòa nhà 12 năm

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí nội thất Tòa nhà 18 Tam Trinh**

Chi phí nội thất Tòa nhà 18 Tam Trinh bao gồm các chi phí thi công nội thất và chi phí sửa chữa Tòa nhà 18 Tam Trinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian trên 1 năm và không quá 3 năm.

**(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu phổ thông phát hành cho cổ đông kèm theo quyền chọn bán cổ phiếu như trình bày trong Thuyết minh 25(d) được phân loại là vốn cổ phần do số lượng cổ phiếu được cổ đông yêu cầu mua lại và thời điểm yêu cầu mua lại cổ phiếu trong tương lai chưa xác định. Cổ phiếu được phân loại là nợ phải trả nếu bắt buộc người phát hành phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó tại một thời điểm đã được xác định trong tương lai và nghĩa vụ mua lại cổ phiếu phải được ghi rõ ngay trong hồ sơ phát hành tại thời điểm phát hành cổ phiếu.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng hóa là sim, thẻ và mã thẻ điện thoại di động trả trước của các công ty cung cấp dịch vụ viễn thông, thẻ và mã thẻ thanh toán trực tuyến Vcoin của chủ dịch vụ là Công ty VTC Công nghệ và Nội dung số. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá rằng Công ty đóng vai trò là chủ thể chính chịu trách nhiệm về rủi ro và lợi ích đối với các loại hàng hóa này, không phải là đại lý phân phối của các chủ dịch vụ. Do đó, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được, từ việc bán hàng, thông thường là bằng mệnh giá của thẻ được bán trừ đi chiết khấu người mua được hưởng, được ghi nhận là doanh thu của Công ty và phần phải trả cho nhà cung cấp và/hoặc các nhà mạng viễn thông theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng kinh tế, thông thường là bằng mệnh giá của thẻ được bán trừ đi chiết khấu Công ty được hưởng, được ghi nhận là giá vốn hàng bán.

Doanh thu bán hàng khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến**

Doanh thu cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên giá trị thẻ và mã thẻ thanh toán trực tuyến được người chơi nạp tiền vào các trò chơi trực tuyến phát hành bởi Công ty trong năm. Các khoản tiền thu được từ việc bán thẻ trò chơi trực tuyến nhưng chưa được người chơi kích hoạt để nạp tiền vào các trò chơi trực tuyến của Công ty được trình bày là doanh thu chưa thực hiện.

Các khoản chi phí chia sẻ với các đối tác tính theo tỷ lệ phân chia dựa trên doanh thu cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến được quy định theo hợp đồng hợp tác kinh doanh và hợp đồng mua bản quyền trò chơi được ghi nhận là giá vốn cung cấp dịch vụ.

**(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo**

Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo trực tuyến bao gồm quảng cáo trên trang mạng của Công ty, trên trang chủ của các trò chơi trực tuyến dưới hình thức băng rôn, địa chỉ kết nối và biểu tượng, được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên thời gian thực tế mà các quảng cáo này xuất hiện trên trang mạng của Công ty.

Doanh thu dịch vụ quảng cáo khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi các dịch vụ quảng cáo, xúc tiến thương mại được cung cấp cho khách hàng và được khách hàng chấp thuận.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iv) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) **Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) **Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) **Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(r) **Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	1.979.972.895	284.717.558
Tiền gửi ngân hàng	9.741.761.921	8.499.808.569
	11.721.734.816	8.784.526.127

M.S  
TRÁCH NHIỆM (HỮU HẠN)

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>Công ty liên quan</b>		
Công ty VTC Công nghệ và Nội dung số	-	68.190.229.375
<b>Bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH Đầu tư phát triển An ninh Công nghệ cao	-	50.654.597.000
Tổng Công ty Viễn Thông Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Viễn thông Quân đội	17.620.778.109	12.257.607.550
Công ty CP Trường Thịnh Phát	10.000.000.000	10.000.000.000
Các khách hàng khác	11.246.483.297	16.145.193.823
	<b>38.867.261.406</b>	<b>157.247.627.748</b>

Khoản phải thu thương mại từ công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và không có thời hạn hoàn trả cố định.

**6. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải thu tiền chuyển nhượng khoản đầu tư vào Đại học Văn Hiến	354.492.010	354.492.010
Phải thu từ Đại học Văn Hiến	1.500.000.000	1.500.000.000
Tiền chi quỹ khen thưởng, phúc lợi chưa được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt	2.073.719.588	2.488.483.221
Tạm ứng	1.422.614.840	10.781.174.374
Doanh nghiệp tư nhân Phước Thùy	-	1.000.000.000
Phải thu khác	7.994.703.430	9.556.881.312
	<b>13.345.529.868</b>	<b>25.681.030.917</b>

Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2016			1/1/2016				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế	Trên 3 năm	648.542.139	(648.542.139)	-	Trên 3 năm	648.542.139	(648.542.139)	-
Ông Nguyễn Văn Quý	Trên 3 năm	900.000.000	(900.000.000)	-	Trên 3 năm	900.000.000	(900.000.000)	-
Công ty TNHH Tân Thuận	Trên 3 năm	-	-	-	Trên 3 năm	1.490.776.000	(745.388.000)	745.388.000
Đại học Văn Hiến	Trên 3 năm	1.500.000.000	(750.000.000)	750.000.000	Trên 3 năm	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Khác	Trên 3 năm	3.398.373.090	(2.247.287.507)	1.151.085.583	Trên 3 năm	1.324.653.502	(1.324.653.502)	-
		6.446.915.229	(4.545.829.646)	1.901.085.583		5.863.971.641	(3.618.583.641)	2.245.388.000
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi			(4.545.829.646)				(3.618.583.641)	





**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**8. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ và dụng cụ	-	-	62.093.636	-
Chi phí sản xuất	-	-	-	-
kinh doanh dở dang	48.841.090	-	1.884.742.596	-
Hàng hóa	19.378.774.181	(557.388.680)	25.659.814.410	(557.388.680)
	<b>19.427.615.271</b>	<b>(557.388.680)</b>	<b>27.606.650.642</b>	<b>(557.388.680)</b>

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 1.131 triệu VND hàng hóa (1/1/2016: 1.131 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Trách nhiệm Hữu hạn  
 OI \*

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	22.223.698.200	64.123.765.843	6.784.457.068	1.953.208.852	95.085.129.963
Tăng trong năm	-	3.806.282.514	-	-	3.806.282.514
Thanh lý	-	(33.853.724.530)	(1.785.675.514)	(29.730.001)	(35.669.130.045)
Chênh lệch tỷ giá từ chuyển đổi báo cáo các công ty con hoạt động ở nước ngoài	-	-	5.308.139	-	5.308.139
Số dư cuối năm	22.223.698.200	34.076.323.827	5.004.089.693	1.923.478.851	63.227.590.571
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	3.509.129.100	53.758.706.345	5.641.466.774	1.918.908.606	64.828.210.825
Khấu hao trong năm	1.258.436.275	6.933.123.367	360.047.114	18.747.045	8.570.353.801
Thanh lý	-	(27.718.973.369)	(1.785.675.515)	(14.176.800)	(29.518.825.684)
Chênh lệch tỷ giá từ chuyển đổi báo cáo các công ty con hoạt động ở nước ngoài	-	-	2.414.315	-	2.414.315
Số dư cuối năm	4.767.565.375	32.972.856.343	4.218.252.688	1.923.478.851	43.882.153.257
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	18.714.569.100	10.365.059.498	1.142.990.294	34.300.246	30.256.919.138
Số dư cuối năm	17.456.132.825	1.103.467.484	785.837.005	-	19.345.437.314

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 28.958 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 35.919 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 Công ty không có tài sản cố định hữu hình (1/1/2016: 18.440 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.



Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Bản quyền trò chơi trực tuyến VND	Bản quyền trang mạng Go.vn VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	22.962.765.546	57.155.029.362	617.111.000	80.734.905.908
Tăng trong năm	454.745.200	-	7.200.000	461.945.200
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.946.875.000	-	-	3.946.875.000
Xóa sổ	(1.107.954.545)	-	-	(1.107.954.545)
Số dư cuối năm	26.256.431.201	57.155.029.362	624.311.000	84.035.771.563
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	18.123.071.993	24.747.195.102	563.606.407	43.433.873.502
Khấu hao trong năm	4.553.392.873	5.595.597.276	58.358.316	10.207.348.465
Xóa sổ	(232.308.772)	-	-	(232.308.772)
Số dư cuối năm	22.444.156.094	30.342.792.378	621.964.723	53.408.913.195
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	4.839.693.553	32.407.834.260	53.504.593	37.301.032.406
Số dư cuối năm	3.812.275.107	26.812.236.984	2.346.277	30.626.858.368

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 15.119 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 8.739 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 658 triệu VND (1/1/2016: Không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Các hệ thống tiện ích trong tòa nhà VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	194.507.275.579	62.948.909.619	257.456.185.198
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	32.057.734.651	26.627.657.772	58.685.392.423
Khấu hao trong năm	4.771.695.876	4.934.599.971	9.706.295.847
Số dư cuối năm	36.829.430.527	31.562.257.743	68.391.688.270
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	162.449.540.928	36.321.251.847	198.770.792.775
Số dư cuối năm	157.677.845.052	31.386.651.876	189.064.496.928

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm phần chi phí Công ty đã chi cho việc xây dựng và đầu tư các hệ thống tiện ích của Tòa nhà 18 Tam Trinh cho mục đích cho thuê hoạt động và một phần là trụ sở của Công ty.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Công ty chưa thực hiện việc xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bất động sản đầu tư có giá trị còn lại là 157.677 triệu VND (1/1/2016: 162.450 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 21).

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	15.876.267.570	33.177.837.976
Tăng trong năm	2.255.605.200	1.138.476.596
Xóa sổ	(1.016.900.000)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(3.946.875.000)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(18.440.047.002)
Số dư cuối năm	13.168.097.770	15.876.267.570

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Dự án Công viên phần mềm	9.910.604.632	10.830.374.432
Chi phí bản quyền và thương mại hóa các trò chơi	3.056.184.000	4.635.584.000
Xây dựng cơ bản dở dang khác	201.309.138	410.309.138
	<b>13.168.097.770</b>	<b>15.876.267.570</b>

**13. Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2016		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Công ty con</b>			
▪ Công ty VTC Online JSC Laos (*)	6.588.240.000	(3.301.452.621)	(**)
<b>Các công ty khác</b>			
▪ Công ty VTC Online Russia Co., Ltd. (*)	6.281.781.762	(6.281.781.762)	(**)
▪ Công ty VTC Online America Inc (*)	4.925.438.500	(4.925.438.500)	(**)
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kết nối số VTC	100.000.000	-	(**)
	<b>17.895.460.262</b>	<b>(14.508.672.883)</b>	<b>(**)</b>

	1/1/2016		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Công ty con</b>			
▪ Công ty VTC Online JSC Laos (*)	8.638.240.000	(3.301.452.621)	(**)
<b>Các công ty khác</b>			
▪ Công ty VTC Online Russia Co., Ltd. (*)	6.281.781.762	(6.281.781.762)	(**)
▪ Công ty VTC Online America Inc (*)	4.925.438.500	(4.925.438.500)	(**)
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Kết nối số VTC	100.000.000	-	(**)
	<b>19.945.460.262</b>	<b>(14.508.672.883)</b>	<b>(**)</b>

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (\*) Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015, thông tin tài chính của Công ty VTC Online JSC Laos, Công ty VTC Online Russia Co., Ltd. và Công ty VTC Online America Inc, ba công ty con của Công ty, đã không được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty do Công ty đã không thể thu thập thông tin tài chính của các công ty con này. Khoản đầu tư vào các công ty con này được phản ánh theo giá gốc. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016, Công ty VTC Online Russia Co., Ltd. và Công ty VTC Online America Inc chưa chính thức đi vào hoạt động. Do Công ty chưa có kế hoạch hoạt động với hai công ty con này nên Công ty đã phân loại lại các khoản đầu tư vào các công ty con này sang khoản mục đầu tư tài chính dài hạn khác.
- (\*\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí nội thất Tòa nhà 18 Tam Trinh VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	25.023.027.762	2.280.314.322	27.303.342.084
Tăng trong năm	15.822.485.273	2.256.915.380	18.079.400.653
Phân bổ trong năm	(12.674.556.395)	(3.371.569.668)	(16.046.126.063)
Thanh lý	(1.112.391.987)	(477.247.657)	(1.589.639.644)
Số dư cuối năm	27.058.564.653	688.412.377	27.746.977.030

**15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế	30.601.622.224	6.120.324.445	38.924.324.968	7.784.864.994

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào năm 2019.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty và các công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Smilegate, INC	-	61.799.651.714
Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Đầu tư Nam Việt	-	24.550.383.000
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Kinh doanh Phần mềm Hải Khánh	20.380.199.750	-
Gamewave HK Holdings Limited	-	6.562.515.596
Shanghai Morefun Digital Technologies Co., Ltd	2.578.100.660	2.578.100.660
Wargaming.net LLP	1.072.198.304	3.536.879.629
Công ty CP Xây dựng số 3 - VINACONEX 3	2.497.332.082	2.497.332.082
HanbitSoft, INC	1.709.250.000	1.054.536.751
Các nhà cung cấp khác	7.343.092.206	14.450.775.034
	<b>35.580.173.002</b>	<b>117.030.174.466</b>

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.849.132.108	184.292.748.845	(189.008.660.479)	133.220.474
Thuế thu nhập cá nhân	883.977.649	532.531.889	(1.174.460.738)	242.048.800
Các loại thuế và phí khác	1.165.345.347	6.141.623.742	(6.017.079.086)	1.289.890.003
	<b>6.898.455.104</b>	<b>190.966.904.476</b>	<b>(196.200.200.303)</b>	<b>1.665.159.277</b>

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí phải trả từ việc chia sẻ doanh thu với các đối tác đầu tư các trò chơi trực tuyến	3.337.984.004	39.796.874.070
Lãi vay phải trả	111.943.372	273.562.477
Chi phí phải trả khác	450.200.001	256.264.218
	<b>3.900.127.377</b>	<b>40.326.700.765</b>

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Doanh thu chưa thực hiện**

**(a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Hoạt động cho thuê văn phòng	19.235.721.146	36.614.650.630
Hoạt động bán thẻ trò chơi trực tuyến trả trước	-	2.389.772.720
Doanh thu chưa thực hiện từ dịch vụ đào tạo và dịch vụ khác	3.479.499.118	2.692.816.262
	<hr/> 22.715.220.264	<hr/> 41.697.239.612
Phần doanh thu chưa thực hiện dài hạn sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	3.205.895.037	5.913.686.991
	<hr/> 25.921.115.301	<hr/> 47.610.926.603

**(b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Hoạt động cho thuê văn phòng	4.943.938.626	8.279.799.978
Hoạt động bán thẻ trò chơi trực tuyến trả trước	-	393.820.344
	<hr/> 4.943.938.626	<hr/> 8.673.620.322
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(3.205.895.037)	(5.913.686.991)
Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng	1.738.043.589	2.759.933.331



**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Kinh phí công đoàn	1.731.996.352	1.676.032.256
Bảo hiểm xã hội	262.280.999	647.966.852
Bảo hiểm y tế	90.739.530	157.787.027
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.321.345	139.559.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.479.165.888	4.769.235.154
	5.570.504.114	7.390.580.289

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ký quỹ của khách hàng thuê văn phòng	11.723.422.014	11.190.545.540

K012042-C.T.T

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**21. Vay ngắn hạn**

	1/1/2016 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2016 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	83.804.550.531	1.204.138.280.922	(1.232.770.103.453)	55.172.728.000
Vay dài hạn đến hạn trả	13.239.613.735	-	(13.239.613.735)	-
	97.044.164.266	1.204.138.280.922	(1.246.009.717.188)	55.172.728.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	VND	6% - 8,8%	5.006.820.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	6% - 8,3%	50.165.908.000	83.804.550.531
			55.172.728.000	83.804.550.531

Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam được đảm bảo bằng các tài sản có giá trị còn lại là 658 triệu VND (1/1/2016: Không) (Thuyết minh 10).

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được bảo đảm bằng các tài sản của Công ty được trình bày trong Thuyết minh 11.

Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	24.044.600.000	238.984.896.750	(550.000.000)	1.803.906.709	8.355.410.034	(59.886.450.286)	212.752.363.207
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	7.754.146.848	7.754.146.848
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(700.000.000)	-	-	-	(700.000.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái từ quy đổi báo cáo tài chính các công ty con ở nước ngoài	-	-	-	191.849.137	-	-	191.849.137
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	24.044.600.000	238.984.896.750	(1.250.000.000)	1.995.755.846	8.355.410.034	(52.132.303.438)	219.998.359.192
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	9.807.759.502	9.807.759.502
Chênh lệch tỷ giá hối đoái từ quy đổi báo cáo tài chính các công ty con ở nước ngoài	-	-	-	(23.849.737)	-	-	(23.849.737)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	24.044.600.000	238.984.896.750	(1.250.000.000)	1.971.906.109	8.355.410.034	(42.324.543.936)	229.782.268.957

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016 và 1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	2.404.460	24.044.600.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	2.404.460	24.044.600.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(125.000)	(1.250.000.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	2.279.460	22.794.600.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Chi tiết vốn cổ phần tương ứng với số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành như sau:

	31/12/2016 và 1/1/2016	
	VND	%
Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên	10.200.000.000	45%
IDG Ventures Vietnam	2.222.220.000	10%
Prime Limited	4.682.380.000	20%
Các cổ đông khác	5.690.000.000	25%
	22.794.600.000	100%

**24. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ đầu tư phát triển được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty trong tương lai.

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng một năm	1.880.993.659	1.880.993.659
Trong vòng hai đến năm năm	7.523.974.637	7.523.974.637
Sau năm năm	65.666.624.856	67.547.618.515
	75.071.593.152	76.952.586.811

**(b) Hợp đồng phát hành trò chơi trực tuyến**

Các khoản tiền tối thiểu phải trả đã được Công ty và các công ty con cam kết trong các hợp đồng phát hành trò chơi trực tuyến với các đối tác cung cấp trò chơi như sau:

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Trong vòng một năm	-	7.817.878.000
Trong vòng hai đến năm năm	-	11.418.674.283
	-	19.236.552.283

**(c) Ngoại tệ**

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (USD)	166.381	3.794.726.865	70.170	1.584.725.958
Indonesia Rupia (IDR)	1.061.332.962	1.793.652.706	2.050.800.214	3.322.296.347
		5.588.379.571		4.907.022.305

I.S.D.N  
 CÔNG TY  
 H'HN

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cam kết với các nhà đầu tư**

**(i) Cam kết với Công ty IDG Venture Vietnam**

Tháng 6 năm 2010, Công ty IDG Venture Vietnam mua cổ phần của Công ty theo các quy định trong Hợp đồng mua bán cổ phần được ký kết giữa hai bên. Đồng thời, hai bên đã ký một Thỏa thuận quyền chọn bán cổ phiếu trong đó Công ty đã cam kết vô điều kiện về việc mua lại một phần hoặc toàn bộ số cổ phiếu của Công ty do Công ty IDG Venture Vietnam sở hữu tại bất kỳ thời điểm nào sau thời hạn 3 năm kể từ tháng 6 năm 2010 (tức là kể từ tháng 6 năm 2013), hoặc bất cứ lúc nào nếu một số các điều kiện quy định trong Thỏa thuận quyền chọn bán cổ phiếu xảy ra, theo mức giá đã được quy định trong Thỏa thuận này trong trường hợp IDG Venture Vietnam lựa chọn thực hiện quyền bán này.

Mặc dù một số các điều kiện mua lại đã xảy ra, tuy nhiên, tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, IDG Venture Vietnam chưa thực hiện quyền bán này.

**(ii) Cam kết với Công ty Prime Limited**

Theo Hợp đồng mua bán cổ phần (“Hợp đồng mua bán cổ phần”) ký kết ngày 22 tháng 6 năm 2012 giữa Công ty và Công ty Prime Limited, Công ty Prime Limited có quyền bán lại một phần hoặc toàn bộ số cổ phiếu của Công ty do Công ty Prime Limited sở hữu tại bất kỳ thời điểm nào sau ngày 22 tháng 7 năm 2012 theo mức giá được quy định trong Hợp đồng mua bán cổ phần, khi một trong các điều kiện mua lại sau xảy ra:

- Công ty IDG Venture Vietnam, một cổ đông khác của Công ty, thực hiện quyền chọn bán cổ phần như đã trình bày ở trên;
- Công ty không tiến hành hoặc bị các cơ quan chức năng từ chối việc phát hành cổ phiếu của Công ty ra công chúng/niêm yết trong vòng 3 năm kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2012;
- Lợi nhuận hợp nhất cho năm 2013, 2014 hoặc 2015 của Công ty (không bao gồm lợi nhuận từ chuyển nhượng Tòa nhà 18 Tam Trinh nếu có) thấp hơn các mức lợi nhuận tối thiểu tương ứng được quy định trong Hợp đồng mua bán cổ phần; và
- Một số điều kiện khác theo quy định của Hợp đồng.

Công ty đồng thời cũng cam kết việc điều chỉnh giá mua của số cổ phần đã bán cho Prime Limited trong trường hợp lợi nhuận hợp nhất cho năm 2013, 2014 hoặc 2015 của Công ty (không bao gồm lợi nhuận từ chuyển nhượng Tòa nhà 18 Tam Trinh nếu có) thấp hơn các mức lợi nhuận tối thiểu tương ứng theo quy định của hợp đồng. Công ty sẽ có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền chênh lệch giữa giá mua điều chỉnh so với giá mua ban đầu của số cổ phần do Prime Limited đầu tư trong thời hạn quy định bởi Hợp đồng.

Công ty cũng cam kết chi sử dụng số tiền thu được từ giao dịch bán cổ phần cho Prime Limited trong năm 2012 vào các hoạt động phát triển trang mạng Go.vn, phát triển và phát hành các trò chơi, phát triển các phương tiện truyền thông đại chúng và dịch vụ giáo dục trực tuyến và ngoại tuyến.

Mặc dù một số các điều kiện mua lại đã xảy ra, tuy nhiên, tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Prime Limited chưa thực hiện quyền bán này.

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
<b>Tổng doanh thu</b>		
▪ Bán hàng	187.406.041.334	243.577.670.269
▪ Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến	1.527.971.151.264	427.913.678.685
▪ Cung cấp dịch vụ quảng cáo	41.638.390.682	104.803.363.020
▪ Doanh thu từ dịch vụ đào tạo	12.789.274.110	8.638.248.343
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	58.984.885.274	56.248.564.494
▪ Doanh thu khác	567.365.424	543.968.971
	1.829.357.108.088	841.725.493.782
<b>Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
▪ Hàng bán bị trả lại	-	(2.544.703.391)
<b>Doanh thu thuần</b>	1.829.357.108.088	839.180.790.391

**27. Giá vốn hàng bán**

	2016 VND	2015 VND
<b>Tổng giá vốn hàng bán của:</b>		
▪ Hàng hoá đã bán	180.780.921.164	345.100.817.555
▪ Dịch vụ trò chơi trực tuyến đã cung ứng	1.537.220.138.812	377.376.710.884
▪ Dịch vụ quảng cáo đã cung ứng	17.467.529.759	15.159.320.035
▪ Dịch vụ đào tạo	3.448.821.288	4.109.360.239
▪ Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	45.615.761.589	44.200.380.876
▪ Lãi kinh doanh của Tòa nhà 18 Tam Trinh phân chia cho Công ty VTC Intecom	11.991.633.202	11.935.515.229
▪ Giá vốn khác	180.848.000	194.127.664
	1.796.705.653.814	798.076.232.482

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Chi phí tài chính**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	5.912.730.753	6.765.177.865
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	606.365.032	1.365.649.651
	<b>6.519.095.785</b>	<b>8.130.827.516</b>

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	11.135.995.650	11.583.082.136
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.551.544.967	1.981.741.949
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.572.742.064	2.563.688.223
Chi phí thuế	56.452.300	1.576.032.386
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	927.246.005	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.783.408.747	5.769.695.295
	<b>27.027.389.733</b>	<b>23.474.239.989</b>

**30. Thu nhập khác**

	<b>2016</b> <b>VND</b>	<b>2015</b> <b>VND</b>
Lãi do thanh lý tài sản cố định	2.900.554.639	83.693.381
Xóa sổ khoản phải trả không phải thanh toán	9.974.904.708	3.546.871.652
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	5.202.655.322	-
Thu nhập khác	417.060.781	610.324.633
	<b>18.495.175.450</b>	<b>4.240.889.666</b>





**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**31. Chi phí khác**

	2016 VND	2015 VND
Phạt thuế	-	2.304.668.389
Chi phí khác	1.352.530.792	214.826.205
	<hr/> 1.352.530.792	<hr/> 2.519.494.594

**32. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	2016 VND	2015 VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	369.082.660.121	341.718.528.976
Chi phí nhân công	23.192.232.945	31.094.949.821
Chi phí khấu hao	28.483.998.113	31.098.714.358
Chi phí dịch vụ mua ngoài	943.356.303.985	414.896.658.117
Chi phí khác	458.060.758.823	4.868.379.426
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**33. Thuế thu nhập**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.807.759.502	8.084.152.945
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.961.551.901	1.778.513.648
Chi phí không được khấu trừ thuế	17.000.000	858.549.801
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(314.011.352)	(37.347.142)
Ảnh hưởng của việc thay đổi thuế suất	-	(778.486.499)
Lợi ích của lỗ tính thuế được sử dụng	(1.664.540.549)	(1.491.223.711)
	-	330.006.097

**(b) Thuế suất áp dụng**

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế từ năm 2016. Thuế suất áp dụng cho các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty như sau:

- Công ty VTC Online Indonesia, PT: Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Indonesia, Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 25% trên lợi nhuận tính thuế (2015: 25%); và
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 5 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ 2012 đến 2017) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo.



**Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
<b>Các công ty liên quan</b>		
<i>Công ty Cổ phần VTC Dịch vụ Di động</i>		
Cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng	3.275.959.716	4.129.913.070
Doanh thu hợp tác kinh doanh trò chơi trực tuyến	153.299.916	436.685.802
<i>Công ty VTC Công nghệ và Nội dung số</i>		
Doanh thu hợp tác kinh doanh trò chơi trực tuyến	73.343.788.683	135.693.935.973
Mua hàng hóa, dịch vụ	13.678.015	107.346.000
Phân chia hiệu quả kinh doanh Tòa nhà 18 Tam Trinh	11.991.633.202	12.130.679.760
Chi phí thuê đất tại Tòa nhà 18 Tam Trinh	1.856.971.770	618.990.590
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	5.202.655.322	-
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>		
Lương và thưởng	2.294.399.086	3.359.553.388
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	755.050.000	632.650.000

10 -07- 2017

Người lập:

*Đỗ Hương Giang*

Đỗ Hương Giang  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

*Lê Văn Kiên*

Lê Văn Kiên  
 Kế toán trưởng



Phương Huy  
 Giám đốc thường trực  
 (Ủy quyền từ Giám đốc)

